

Câu 9. Hoạt động kinh tế chủ yếu ở khu vực đồi núi phía tây vùng Bắc Trung Bộ là

- A. trồng cây công nghiệp hàng năm, đánh bắt thủy sản.
- B. nuôi trồng thủy sản, sản xuất lương thực, cây công nghiệp hàng năm.
- C. sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ.
- D. nghề rừng, trồng cây công nghiệp lâu năm, nuôi trâu bò đàn.

Câu 10. Thế mạnh về tự nhiên tạo cho ĐBSH có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông là

- A. địa hình bằng phẳng và hệ thống đê sông, đê biển.
- B. nguồn nước mặt phong phú.
- C. đất phù sa màu mỡ.
- D. có một mùa đông lạnh.

Câu 11. Cho bảng số liệu sau:

QUY MÔ VÀ CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG NĂM 2014

(Đơn vị: Nghìn ha)

| Loại đất | Tổng diện tích | Đất sản xuất nông nghiệp | Đất lâm nghiệp | Đất chuyên dùng | Đất ở | Các loại đất khác |
|---------------------|----------------|--------------------------|----------------|-----------------|-------|-------------------|
| Đồng bằng sông Hồng | 2106 | 769,3 | 519,8 | 318,4 | 141 | 357,5 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Để thể hiện quy mô và cơ cấu sử dụng đất ở Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng Sông Cửu Long, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Tròn
- B. Đường.
- C. Cột.
- D. Miền.

Câu 12. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết thứ tự đúng các cảng biển của vùng Bắc Trung Bộ từ Bắc vào Nam?

- A. Chân Mây, Cửa Lò, Vũng Áng, Nhật Lệ.
- B. Vũng Áng, Chân Mây, Nhật Lệ, Cửa Lò.
- C. Cửa Lò, Nhật Lệ, Chân Mây, Vũng Áng.
- D. Cửa Lò, Vũng Áng, Nhật Lệ, Chân Mây.

Câu 13. Về mặt tự nhiên vùng trung du và miền núi Bắc Bộ có đặc điểm chung là

- A. chịu sự chi phối sâu sắc của độ cao địa hình.
- B. chịu ảnh hưởng sâu sắc của vĩ độ.
- C. chịu ảnh hưởng nặng của mạng lưới thủy văn.
- D. chịu tác động rất lớn của biển

Câu 14. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23 cho biết tuyến quốc lộ nào nằm hoàn toàn trong vùng Đồng bằng sông Hồng?

- A. Quốc lộ 2.
- B. Quốc lộ 6.
- C. Quốc lộ 5.
- D. Quốc lộ 18.

Câu 15. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết tỉnh Quảng Ninh có khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây?

- A. Vân Đồn.
- B. Móng Cái.
- C. Tây Trang.
- D. Thanh Thủy.

Câu 16. Ranh giới tự nhiên giữa Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ là dãy núi

- A. Bạch Mã.
- B. Tam Điệp.
- C. Trường Sơn.
- D. Hoành Sơn

Câu 17. Cánh đồng muối Cà Ná nổi tiếng ở nước ta thuộc tỉnh

- A. Bình Thuận.
- B. Ninh Thuận.
- C. Khánh Hòa.
- D. Bà Rịa – Vũng Tàu.

Câu 18. Các vịnh biển **không** thuộc vùng duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. Hạ Long, Diên Châu.
- B. Quy Nhơn, Xuân Đài.
- C. Vân Phong, Nha Trang.
- D. Cam Ranh, Dung Quất.

Câu 19. Đồng bằng sông Hồng là đồng bằng châu thổ được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống

- A. sông Hồng và sông Lục Nam.
- B. sông Hồng và sông Đà.
- C. sông Hồng và sông Thái Bình.
- D. sông Hồng và sông Cầu.

Câu 20. Dựa vào Alat trang 27, ngành chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP ở vùng Bắc Trung Bộ là ngành

- A. kinh tế biển.
- B. công nghiệp và xây dựng.
- C. nông, lâm, thủy sản.
- D. dịch vụ.

Câu 21. Hai trung tâm công nghiệp hàng đầu ở đồng bằng sông Hồng là

- A. Hà Nội và Hải Dương.
- B. Hà Nội và Hải Phòng.
- C. Hà Nội và Vĩnh Yên.
- D. Hà Nội và Nam Định.

Câu 22. Căn cứ vào Atlas Việt Nam trang 28, vịnh Vân Phong thuộc tỉnh nào của Duyên Hải Nam Trung Bộ?

- A. Phú Yên.
- B. Bình Định.
- C. Khánh Hòa.
- D. Ninh Thuận.

Câu 23. Các bãi biển thu hút đông đảo khách du lịch ở duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. Non nước, Nha Trang, Mũi Né.
- B. Sầm Sơn, Cửa Lò, Thiên Cầm.
- C. Đồ Sơn, Lăng Cô, Vũng Tàu.
- D. Cửa Lò, Thiên Cầm, Nhật Lệ.

Câu 24. Cây công nghiệp lâu năm quan trọng nhất ở TDMNBB là

- A. cà phê.
- B. chè.
- C. điều.
- D. cao su.

Câu 25. Đồng bằng sông Hồng phát triển mạnh

- A. chăn nuôi bò thịt, đánh bắt thủy sản.
- B. chăn nuôi gà, vịt, ngan, ngỗng, cừu.
- C. chăn nuôi lợn, bò sữa, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.
- D. chăn nuôi trâu, bò, dê, ngựa.

Câu 26. Trung du miền núi bắc bộ bao gồm

- A. 20 tỉnh.
- B. 10 tỉnh.
- C. 25 tỉnh.
- D. 15 tỉnh.

Câu 27. Di sản văn hóa thế giới ở Bắc Trung Bộ được UNESCO công nhận là

- A. Phong Nha – Kẻ Bàng.
- B. Phố cổ Hội An.
- C. Cố đô Huế.
- D. Di tích Mĩ Sơn.

Câu 28. Các nhà máy thủy điện Sơn La, Hòa Bình nằm trên dòng sông

- A. Đà.
- B. Gâm.
- C. Chảy.
- D. Lô.

II. Tự luận (3 điểm)

Câu 1. (2 điểm) Phân tích, đánh giá ảnh hưởng vị trí của Đồng bằng sông Hồng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

Câu 11. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết thứ tự đúng các cảng biển của vùng Bắc Trung Bộ từ Bắc vào Nam?

- A. Vũng Áng, Chân Mây, Nhật Lệ, Cửa Lò. B. Cửa Lò, Vũng Áng, Nhật Lệ, Chân Mây.
C. Cửa Lò, Nhật Lệ, Chân Mây, Vũng Áng. D. Chân Mây, Cửa Lò, Vũng Áng, Nhật Lệ.

Câu 12. Đồng bằng sông Hồng là đồng bằng châu thổ được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống

- A. sông Hồng và sông Cầu. B. sông Hồng và sông Thái Bình.
C. sông Hồng và sông Lục Nam. D. sông Hồng và sông Đà.

Câu 13. Cây công nghiệp lâu năm quan trọng nhất ở TDMNBB là

- A. điều. B. cà phê. C. cao su. D. chè.

Câu 14. Thế mạnh về tự nhiên tạo cho ĐBSH có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông là

- A. địa hình bằng phẳng và hệ thống đê sông, đê biển. B. đất phù sa màu mỡ.
C. có một mùa đông lạnh. D. nguồn nước mặt phong phú.

Câu 15. Các điểm du lịch nổi tiếng *không* thuộc Bắc Trung Bộ là

- A. Nhật Lệ, Lăng Cô. B. Cố đô Huế, Phong Nha – Kẻ Bàng.
C. Sầm Sơn, Thiên Cầm. D. Đồ Sơn, Cát Bà.

Câu 16. Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa lần lượt thuộc

- A. tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Bình Thuận. B. tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi.
C. tỉnh Bình Định và tỉnh Phú Yên. D. TP Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa.

Câu 17. Căn cứ vào Atlas Việt Nam trang 28, vịnh Vân Phong thuộc tỉnh nào của Duyên Hải Nam Trung Bộ?

- A. Khánh Hòa. B. Bình Định. C. Phú Yên. D. Ninh Thuận.

Câu 18. Các bãi biển thu hút đông đảo khách du lịch ở duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. Cửa Lò, Thiên Cầm, Nhật Lệ. B. Sầm Sơn, Cửa Lò, Thiên Cầm.
C. Đồ Sơn, Lăng Cô, Vũng Tàu. D. Non nước, Nha Trang, Mũi Né.

Câu 19. Các nhà máy thủy điện Sơn La, Hòa Bình nằm trên dòng sông

- A. Đà. B. Gâm. C. Chảy. D. Lô.

Câu 20. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23 cho biết tuyến quốc lộ nào nằm hoàn toàn trong vùng Đồng bằng sông Hồng?

- A. Quốc lộ 18. B. Quốc lộ 2. C. Quốc lộ 5. D. Quốc lộ 6.

Câu 21. Trung du miền núi bắc bộ bao gồm

- A. 10 tỉnh. B. 15 tỉnh. C. 25 tỉnh. D. 20 tỉnh.

Câu 22. Hai trung tâm công nghiệp hàng đầu ở đồng bằng sông Hồng là

- A. Hà Nội và Hải Dương. B. Hà Nội và Nam Định.
C. Hà Nội và Vĩnh Yên. D. Hà Nội và Hải Phòng.

Câu 23. Đồng bằng sông Hồng phát triển mạnh

- A. chăn nuôi lợn, bò sữa, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.
- B. chăn nuôi bò thịt, đánh bắt thủy sản.
- C. chăn nuôi trâu, bò, dê, ngựa.
- D. chăn nuôi gà, vịt, ngan, ngỗng, cừu.

Câu 24. Di sản văn hóa thế giới ở Bắc Trung Bộ được UNESCO công nhận là

- A. Phố cổ Hội An.
- B. Cố đô Huế.
- C. Phong Nha – Kẻ Bàng.
- D. Di tích Mỹ Sơn.

Câu 25. Bắc Trung Bộ *không* giáp với vùng

- A. Trung du miền núi Bắc Bộ.
- B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- C. Đồng bằng sông Hồng.
- D. Tây Nguyên.

Câu 26. Về mặt tự nhiên vùng trung du và miền núi Bắc Bộ có đặc điểm chung là

- A. chịu ảnh hưởng nặng của mạng lưới thủy văn.
- B. chịu sự chi phối sâu sắc của độ cao địa hình.
- C. chịu ảnh hưởng sâu sắc của vĩ độ.
- D. chịu tác động rất lớn của biển

Câu 27. Cho bảng số liệu sau:

QUY MÔ VÀ CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG NĂM 2014

(Đơn vị: Nghìn ha)

| Loại đất | Tổng diện tích | Đất sản xuất nông nghiệp | Đất lâm nghiệp | Đất chuyên dùng | Đất ở | Các loại đất khác |
|---------------------|----------------|--------------------------|----------------|-----------------|-------|-------------------|
| Đồng bằng sông Hồng | 2106 | 769,3 | 519,8 | 318,4 | 141 | 357,5 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Để thể hiện quy mô và cơ cấu sử dụng đất ở Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng Sông Cửu Long, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Tròn
- B. Cột.
- C. Miền.
- D. Đường.

Câu 28. Hoạt động kinh tế chủ yếu ở khu vực đồi núi phía tây vùng Bắc Trung Bộ là

- A. nuôi trồng thủy sản, sản xuất lương thực, cây công nghiệp hằng năm.
- B. trồng cây công nghiệp hàng năm, đánh bắt thủy sản.
- C. nghề rừng, trồng cây công nghiệp lâu năm, nuôi trâu bò đàn.
- D. sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ.

II. Tự luận (3 điểm)

Câu 1. (2 điểm) Phân tích, đánh giá ảnh hưởng vị trí của Đồng bằng sông Hồng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

Câu 2. (1 điểm) Tại sao các nhà máy thủy điện có công suất hàng đầu của Việt Nam lại tập trung ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

Mã đề: 903

Họ và tên: Lớp:

| Điểm | Lời phê của thầy/cô giáo |
|------|--------------------------|
|------|--------------------------|

I. Trắc nghiệm: (7 điểm)

Chọn đáp án trước câu trả lời đúng nhất và điền vào bảng (0.25 điểm/câu)

Câu 1. Cảnh đồng muối Cà Ná nổi tiếng ở nước ta thuộc tỉnh

- A. Khánh Hòa. B. Ninh Thuận. C. Bà Rịa – Vũng Tàu. D. Bình Thuận.

Câu 2. Bắc Trung Bộ *không* giáp với vùng

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Trung du miền núi Bắc Bộ. D. Tây Nguyên.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây không thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Sông Hinh. B. Vĩnh Sơn. C. Hàm Thuận - Đa Mi. D. Đồng Nai.

Câu 4. Ranh giới tự nhiên giữa Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ là dãy núi

- A. Tam Điệp. B. Trường Sơn. C. Bạch Mã. D. Hoàng Sơn

Câu 5. Các vịnh biển *không* thuộc vùng duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. Hạ Long, Diên Châu. B. Quy Nhơn, Xuân Đài.
C. Vân Phong, Nha Trang. D. Cam Ranh, Dung Quất.

Câu 6. Đồng bằng sông Hồng là đồng bằng châu thổ được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống

- A. sông Hồng và sông Đà. B. sông Hồng và sông Thái Bình.
C. sông Hồng và sông Lục Nam. D. sông Hồng và sông Cầu.

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26 cho biết nhận định nào sau đây **đúng** về cơ cấu GDP của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp lớn nhất. B. Tỷ trọng công nghiệp và xây dựng lớn nhất.
C. Tỷ trọng nông, lâm nghiệp, thủy sản nhỏ nhất. D. Tỷ trọng công nghiệp và xây dựng nhỏ nhất.

Câu 8. Đồng bằng sông Hồng phát triển mạnh

- A. chăn nuôi lợn, bò sữa, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.
B. chăn nuôi bò thịt, đánh bắt thủy sản.
C. chăn nuôi trâu, bò, dê, ngựa.
D. chăn nuôi gà, vịt, ngan, ngỗng, cừu.

Câu 9. Di sản văn hóa thế giới ở Bắc Trung Bộ được UNESCO công nhận là

- A. Phố cổ Hội An. B. Di tích Mĩ Sơn. C. Cố đô Huế. D. Phong Nha – Kẻ Bàng.

Câu 10. Một trong những khó khăn lớn nhất về tự nhiên ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất của nhân dân vùng Bắc Trung Bộ là

- A. tài nguyên khoáng sản hạn chế.
- B. thiên tai thường xuyên xảy ra.
- C. mật độ dân cư thấp.
- D. cơ sở hạ tầng thấp kém.

Câu 11. Dựa vào Atlas trang 27, ngành chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP ở vùng Bắc Trung Bộ là ngành

- A. công nghiệp và xây dựng.
- B. nông, lâm, thủy sản.
- C. kinh tế biển.
- D. dịch vụ.

Câu 12. Hoạt động kinh tế chủ yếu ở khu vực đồi núi phía tây vùng Bắc Trung Bộ là

- A. nghề rừng, trồng cây công nghiệp lâu năm, nuôi trâu bò đàn.
- B. trồng cây công nghiệp hàng năm, đánh bắt thủy sản.
- C. sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ.
- D. nuôi trồng thủy sản, sản xuất lương thực, cây công nghiệp hằng năm.

Câu 13. Khoáng sản chính của vùng duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. Cát thủy tinh, ti tan, vàng.
- B. Sắt, đá vôi, cao lanh.
- C. Đồng, Apatít, vàng.
- D. Than nâu, mangan, thiếc.

Câu 14. Căn cứ vào Atlas Việt Nam trang 28, vịnh Vân Phong thuộc tỉnh nào của Duyên Hải Nam Trung Bộ?

- A. Ninh Thuận.
- B. Phú Yên.
- C. Khánh Hòa.
- D. Bình Định.

Câu 15. Cho bảng số liệu sau:

QUY MÔ VÀ CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG NĂM 2014

(Đơn vị: Nghìn ha)

| Loại đất | Tổng diện tích | Đất sản xuất nông nghiệp | Đất lâm nghiệp | Đất chuyên dùng | Đất ở | Các loại đất khác |
|---------------------|----------------|--------------------------|----------------|-----------------|-------|-------------------|
| Đồng bằng sông Hồng | 2106 | 769,3 | 519,8 | 318,4 | 141 | 357,5 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Để thể hiện quy mô và cơ cấu sử dụng đất ở Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng Sông Cửu Long, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Cột.
- B. Tròn
- C. Đường.
- D. Miền.

Câu 16. Về mặt tự nhiên vùng trung du và miền núi Bắc Bộ có đặc điểm chung là

- A. chịu ảnh hưởng nặng của mạng lưới thủy văn.
- B. chịu tác động rất lớn của biển
- C. chịu sự chi phối sâu sắc của độ cao địa hình.
- D. chịu ảnh hưởng sâu sắc của vĩ độ.

Câu 17. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23 cho biết tuyến quốc lộ nào nằm hoàn toàn trong vùng Đồng bằng sông Hồng?

- A. Quốc lộ 5.
- B. Quốc lộ 6.
- C. Quốc lộ 2.
- D. Quốc lộ 18.

Câu 18. Cây công nghiệp lâu năm quan trọng nhất ở TDMNBB là

- A. điều.
- B. cao su.
- C. cà phê.
- D. chè.

Câu 19. Hai trung tâm công nghiệp hàng đầu ở đồng bằng sông Hồng là

- A. Hà Nội và Hải Dương.
- B. Hà Nội và Nam Định.
- C. Hà Nội và Hải Phòng.
- D. Hà Nội và Vĩnh Yên.

Câu 20. Thế mạnh về tự nhiên tạo cho ĐBSH có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông là

- A. địa hình bằng phẳng và hệ thống đê sông, đê biển.
- B. đất phù sa màu mỡ.
- C. nguồn nước mặt phong phú.
- D. có một mùa đông lạnh.

Câu 21. Các tỉnh **không** thuộc đồng bằng sông Hồng là

- A. Thái Bình, Nam Định.
- B. Bắc Giang, Lạng Sơn.
- C. Hà Nam, Ninh Bình.
- D. Bắc Ninh, Vĩnh Phúc.

Câu 22. Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa lần lượt thuộc

- A. tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Bình Thuận.
- B. tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi.
- C. tỉnh Bình Định và tỉnh Phú Yên.
- D. TP Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa.

Câu 23. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết thứ tự đúng các cảng biển của vùng Bắc Trung Bộ từ Bắc vào Nam?

- A. Chân Mây, Cửa Lò, Vũng Áng, Nhật Lệ.
- B. Cửa Lò, Nhật Lệ, Chân Mây, Vũng Áng.
- C. Cửa Lò, Vũng Áng, Nhật Lệ, Chân Mây.
- D. Vũng Áng, Chân Mây, Nhật Lệ, Cửa Lò.

Câu 24. Các điểm du lịch nổi tiếng **không** thuộc Bắc Trung Bộ là

- A. Cố đô Huế, Phong Nha – Kẻ Bàng.
- B. Nhật Lệ, Lăng Cô.
- C. Đồi Sơn, Cát Bà.
- D. Sầm Sơn, Thiên Cầm.

Câu 25. Các bãi biển thu hút đông đảo khách du lịch ở duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. Đồi Sơn, Lăng Cô, Vũng Tàu.
- B. Cửa Lò, Thiên Cầm, Nhật Lệ.
- C. Non nước, Nha Trang, Mũi Né.
- D. Sầm Sơn, Cửa Lò, Thiên Cầm.

Câu 26. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết tỉnh Quảng Ninh có khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây?

- A. Thanh Thủy.
- B. Vân Đồn.
- C. Móng Cái.
- D. Tây Trang.

Câu 27. Trung du miền núi bắc bộ bao gồm

- A. 20 tỉnh.
- B. 25 tỉnh.
- C. 10 tỉnh.
- D. 15 tỉnh.

Câu 28. Các nhà máy thủy điện Sơn La, Hòa Bình nằm trên dòng sông

- A. Lô.
- B. Gâm.
- C. Đà.
- D. Chảy.

II. Tự luận (3 điểm)

Câu 1. (2 điểm) Phân tích, đánh giá ảnh hưởng vị trí của Đồng bằng sông Hồng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

Câu 2. (1 điểm) Tại sao các nhà máy thủy điện có công suất hàng đầu của Việt Nam lại tập trung ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

Mã đề: 904

Họ và tên: Lớp:

| Điểm | Lời phê của thầy/cô giáo |
|------|--------------------------|
|------|--------------------------|

I. Trắc nghiệm: (7 điểm)

Chọn đáp án trước câu trả lời đúng nhất và điền vào bảng (0.25 điểm/câu)

Câu 1. Các vịnh biển **không** thuộc vùng duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. Vân Phong, Nha Trang.
- B. Quy Nhơn, Xuân Đài.
- C. Cam Ranh, Dung Quất.
- D. Hạ Long, Diên Châu.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết thứ tự đúng các cảng biển của vùng Bắc Trung Bộ từ Bắc vào Nam?

- A. Chân Mây, Cửa Lò, Vũng Áng, Nhật Lệ.
- B. Cửa Lò, Nhật Lệ, Chân Mây, Vũng Áng.
- C. Vũng Áng, Chân Mây, Nhật Lệ, Cửa Lò.
- D. Cửa Lò, Vũng Áng, Nhật Lệ, Chân Mây.

Câu 3. Các nhà máy thủy điện Sơn La, Hòa Bình nằm trên dòng sông

- A. Đà.
- B. Gâm.
- C. Chảy.
- D. Lô.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Việt Nam trang 28, vịnh Vân Phong thuộc tỉnh nào của Duyên Hải Nam Trung Bộ?

- A. Khánh Hòa.
- B. Phú Yên.
- C. Bình Định.
- D. Ninh Thuận.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26 cho biết nhận định nào sau đây **đúng** về cơ cấu GDP của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp lớn nhất.
- B. Tỷ trọng nông, lâm nghiệp, thủy sản nhỏ nhất.
- C. Tỷ trọng công nghiệp và xây dựng lớn nhất.
- D. Tỷ trọng công nghiệp và xây dựng nhỏ nhất.

Câu 6. Về mặt tự nhiên vùng trung du và miền núi Bắc Bộ có đặc điểm chung là

- A. chịu sự chi phối sâu sắc của độ cao địa hình.
- B. chịu tác động rất lớn của biển
- C. chịu ảnh hưởng nặng của mạng lưới thủy văn.
- D. chịu ảnh hưởng sâu sắc của vĩ độ.

Câu 7. Thế mạnh về tự nhiên tạo cho ĐBSH có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông là

- A. địa hình bằng phẳng và hệ thống đê sông, đê biển.
- B. nguồn nước mặt phong phú.
- C. có một mùa đông lạnh.
- D. đất phù sa màu mỡ.

Câu 8. Đồng bằng sông Hồng phát triển mạnh

- A. chăn nuôi lợn, bò sữa, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.
- B. chăn nuôi bò thịt, đánh bắt thủy sản.
- C. chăn nuôi gà, vịt, ngan, ngỗng, cừu.
- D. chăn nuôi trâu, bò, dê, ngựa.

Câu 9. Một trong những khó khăn lớn nhất về tự nhiên ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất của nhân dân vùng Bắc Trung Bộ là

- A. cơ sở hạ tầng thấp kém.
- B. thiên tai thường xuyên xảy ra.
- C. mật độ dân cư thấp.
- D. tài nguyên khoáng sản hạn chế.

Câu 10. Cây công nghiệp lâu năm quan trọng nhất ở TDMNBB là

- A. chè.
- B. cà phê.
- C. điều.
- D. cao su.

Câu 11. Hoạt động kinh tế chủ yếu ở khu vực đồi núi phía tây vùng Bắc Trung Bộ là

- A. trồng cây công nghiệp hàng năm, đánh bắt thủy sản.
- B. nuôi trồng thủy sản, sản xuất lương thực, cây công nghiệp hàng năm.
- C. sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ.
- D. nghề rừng, trồng cây công nghiệp lâu năm, nuôi trâu bò đàn.

Câu 12. Khoáng sản chính của vùng duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. Cát thủy tinh, ti tan, vàng.
- B. Đồng, Apatít, vàng.
- C. Than nâu, mangan, thiếc.
- D. Sắt, đá vôi, cao lanh.

Câu 13. Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa lần lượt thuộc

- A. tỉnh Bình Định và tỉnh Phú Yên.
- B. tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Bình Thuận.
- C. TP Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa.
- D. tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi.

Câu 14. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây không thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Sông Hinh.
- B. Hàm Thuận - Đa Mi.
- C. Đồng Nai.
- D. Vĩnh Sơn.

Câu 15. Dựa vào Atlas trang 27, ngành chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP ở vùng Bắc Trung Bộ là ngành

- A. dịch vụ.
- B. nông, lâm, thủy sản.
- C. công nghiệp và xây dựng.
- D. kinh tế biển.

Câu 16. Các điểm du lịch nổi tiếng **không** thuộc Bắc Trung Bộ là

- A. Cố đô Huế, Phong Nha – Kẻ Bàng.
- B. Sầm Sơn, Thiên Cầm.
- C. Nhật Lệ, Lăng Cô.
- D. Đồ Sơn, Cát Bà.

Câu 17. Bắc Trung Bộ **không** giáp với vùng

- A. Tây Nguyên.
- B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- C. Trung du miền núi Bắc Bộ.
- D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 18. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết tỉnh Quảng Ninh có khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây?

- A. Thanh Thủy.
- B. Móng Cái.
- C. Vân Đồn.
- D. Tây Trang.

Câu 19. Trung du miền núi bắc bộ bao gồm

- A. 10 tỉnh.
- B. 20 tỉnh.
- C. 25 tỉnh.
- D. 15 tỉnh.

Câu 20. Hai trung tâm công nghiệp hàng đầu ở đồng bằng sông Hồng là

- A. Hà Nội và Vĩnh Yên.
- B. Hà Nội và Hải Phòng.
- C. Hà Nội và Hải Dương.
- D. Hà Nội và Nam Định.

Câu 21. Di sản văn hóa thế giới ở Bắc Trung Bộ được UNESCO công nhận là

- A. Cố đô Huế. B. Phố cổ Hội An. C. Di tích Mỹ Sơn. D. Phong Nha – Kẻ Bàng.

Câu 22. Các bãi biển thu hút đông đảo khách du lịch ở duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. Cửa Lò, Thiên Cầm, Nhật Lệ. B. Đồ Sơn, Lăng Cô, Vũng Tàu.
C. Sầm Sơn, Cửa Lò, Thiên Cầm. D. Non nước, Nha Trang, Mũi Né.

Câu 23. Ranh giới tự nhiên giữa Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ là dãy núi

- A. Hoành Sơn B. Tam Điệp. C. Bạch Mã. D. Trường Sơn.

Câu 24. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23 cho biết tuyến quốc lộ nào nằm hoàn toàn trong vùng Đồng bằng sông Hồng?

- A. Quốc lộ 2. B. Quốc lộ 18. C. Quốc lộ 5. D. Quốc lộ 6.

Câu 25. Cảnh đồng muối Cà Ná nổi tiếng ở nước ta thuộc tỉnh

- A. Bình Thuận. B. Ninh Thuận. C. Bà Rịa – Vũng Tàu. D. Khánh Hòa.

Câu 26. Đồng bằng sông Hồng là đồng bằng châu thổ được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống

- A. sông Hồng và sông Đà. B. sông Hồng và sông Thái Bình.
C. sông Hồng và sông Lục Nam. D. sông Hồng và sông Cầu.

Câu 27. Cho bảng số liệu sau:

QUY MÔ VÀ CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG NĂM 2014

(Đơn vị: Nghìn ha)

| Loại đất | Tổng diện tích | Đất sản xuất nông nghiệp | Đất lâm nghiệp | Đất chuyên dùng | Đất ở | Các loại đất khác |
|---------------------|----------------|--------------------------|----------------|-----------------|-------|-------------------|
| Đồng bằng sông Hồng | 2106 | 769,3 | 519,8 | 318,4 | 141 | 357,5 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Để thể hiện quy mô và cơ cấu sử dụng đất ở Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng Sông Cửu Long, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Miền. B. Đường. C. Cột. D. Tròn

Câu 28. Các tỉnh **không** thuộc đồng bằng sông Hồng là

- A. Bắc Ninh, Vĩnh Phúc. B. Bắc Giang, Lạng Sơn.
C. Hà Nam, Ninh Bình. D. Thái Bình, Nam Định.

II. Tự luận (3 điểm)

Câu 1. (2 điểm) Phân tích, đánh giá ảnh hưởng vị trí của Đồng bằng sông Hồng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

Câu 2. (1 điểm) Tại sao các nhà máy thủy điện có công suất hàng đầu của Việt Nam lại tập trung ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

BGH DUYỆT

TTCM DUYỆT

GIÁO VIÊN RA ĐỀ

Khúc Thị Thanh Hiền

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Nguyễn Thùy Dương